TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 19/04/2024
Về việc "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lê Ngọc Hải
2/ Ông Nguyễn Ngọc Tòng
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2023/TLST – HNGĐ ngày 25/12/2023, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 8 tháng 03 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 25/2024/QĐST – DS ngày 29/03/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số B, ấp A, xã X, huyện C, Tiền Giang.
- Người bị kiện: Anh Trương Văn T1, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 21/12/2023 nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:

Vào năm 2008, chị Trần Thị Kim T và anh Trương Văn T1 cưới nhau, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu trước và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Anh chị có tổ chức lễ cưới. anh, chị đến Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, huyện Chợ gạo, tỉnh Tiền Giang đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2012.

Sau ngày cưới vợ chồng sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống rất hạnh phúc được 9 năm và có sinh được 2 con chung tên Trương Hoàng

P, sinh ngày 13/3/2012 và Trương Hoàng K, sinh ngày 27/12/2013, hiện các con đang sống với chị T.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2022 cho đến nay, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nên chị T2 quyết định ly hôn anh T1. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T xin ly hôn với anh Trương Văn T1. Về con chung: Trương Hoàng P, sinh ngày 13/3/2012 và Trương Hoàng K, sinh ngày 27/12/2013, chị T yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Anh Trương Văn T1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có đăng ký thường trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét đơn xin vắng mặt của chị Trần Thị Kim T ngày 21/12/2023. Lý do: chị T ở xa, đi lại khó khăn nên không thể dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và các phiên toà xét xử là đúng theo quy đinh của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Xét Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử anh Trương Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Trương Văn T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Kim T và anh Trương Văn T1 cưới nhau, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu trước và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Anh chị có tổ chức lễ cưới. anh, chị đến Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2012 đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên từ đó thường gây gổ với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị T không còn mong muốn cùng anh T1 xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị T xin ly hôn. Anh Trương Văn T1 vắng mặt nhưng anh không cung cấp cho Toà án văn bản ý kiến đồng ý ly hôn hay phản bác yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét cho anh T1. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở nên áp dụng Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Trần Thị Kim T dược ly hôn anh Trương Văn T1.

[4]Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Kim T và anh Trương Văn T1 có sinh được 2 con chung tên Trương Hoàng P, sinh ngày 13/3/2012 và Trương Hoàng K, sinh ngày 27/12/2013, hiện các cháu đang sống với chị T. Nay chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của các cháu Trương Hoàng P và Trương Hoàng K, không bị thay đổi nên để chị T tiếp tục nuôi các con là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và của chị T. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và không trái pháp luật. Anh Trương Văn T1 vắng mặt nhưng anh không cung cấp cho Toà án văn bản ý kiến đồng ý hay phản bác yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét cho anh T1. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Trần Thị Kim T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trương Hoàng P, sinh ngày 13/3/2012 và Trương Hoàng K, sinh ngày 27/12/2013, Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu anh Trương Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn T1 được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T1.

[5] Về quan hệ tài sản: trong thời gian chung sống chị Trần Thị Kim T và anh Trương Văn T1 không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai. Do đó chị Trần Thị Kim T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Trần Thị Kim T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_o$ 0013268 ngày 25/12/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T được ly hôn anh Trương Văn T1.

2/ Về con chung: Chị Trần Thị Kim T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trương Hoàng P, sinh ngày 13/3/2012 và Trương Hoàng K, sinh ngày 27/12/2013, Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu anh Trương Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn T1 được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con củ anh T1.

3/ Về quan hệ tài sản: Chị Trần Kim T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Kim T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_o$ 0013268 ngày 25/12/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử công khai chị Trần Thị Kim T xin vắng mặt, anh Trương Văn T1 vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Tân Hưng, Huyện Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu